TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2023.
"*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con* ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Bỉ.

2. Ông Nguyễn Văn Còn.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Luyến – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Mỹ Y, sinh năm: 19xx; Địa chỉ: Số xx, Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh L. (Có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh L. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ Y có đơn đề nghị vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2023 và trong quá trình tố tụng có nội dung như sau: Năm 2015, bà và ông Nguyễn Minh T sống chung, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh L vào ngày 02/02/20xx. Bà và ông T cất nhà sống riêng tại Ấp xx, xã L, huyện T, tỉnh L. Trong quá trình sống chung, bà và ông T thường xuyên cự cãi và có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T

không lo làm ăn, ông T thường đánh đề và đá gà. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/20xx cho đến nay. Nay xét thấy không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Nuôi con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 11/02/20xx. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Chia tài sản: Không có.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ Y có đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Nguyễn Minh T; hiện ông T đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Bà Y và ông Tâm tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/02/20xx. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông T là hợp pháp.

[5] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp, tống đạt các văn bản tố tụng của tòa án cho cho ông T nhưng ông T không có ý kiến gì. Điều này chứng minh ông T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Y có cơ sở chấp nhận.

[6] Nuôi con chung: Bà Y và ông Tâm có con chung tên Nguyễn Trọng Nn, sinh ngày 11/02/20xx. Bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu N đã trên 36 tháng tuổi nên không thuộc trường hợp ưu tiên giao cho mẹ nuôi nhưng cháu N cũng chưa đủ 07 tuổi để xem xét nguyện vọng của cháu muốn sống với ai. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng ly thân, con chung sống với bà Y nên để ổn định cuộc sống và tình cảm của cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Nguyễn Trọng N cho bà Y nuôi dưỡng. Bà Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ: Do ông T cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Bà Y xác định bà và ông T không có tài sản chung, không có nợ chung. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: Bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Mỹ Y về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với ông Nguyễn Minh T.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị Mỹ Yến và ông Nguyễn Minh Tâm.

Nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 11/02/20xx cho bà Bùi Thị Mỹ Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Minh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Mỹ Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003380 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà Y đã nộp đủ.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện Tân Trụ.
-THA DS huyện Tân Trụ.
- UBND xã L, huyện Tân Trụ, Long An;
-Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa